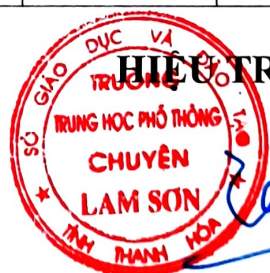
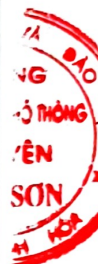


THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT chuyên
Lam Sơn năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1156	388	383	385
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1153 (99,74)	387 (99,74%)	381 (99,48%)	385 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,26%)	1 (0,26%)	2 (0,52%)	0
3	Trung bình hoặc Đạt (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu hoặc Chưa đạt (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1156	388	383	385
1	Giỏi hoặc Tốt (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	1156 (100%)	388 (100%)	383 (100%)	385 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Trung bình hoặc Đạt (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu hoặc Chưa đạt (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1156	388	383	385
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1156 (100%)	388 (100%)	383 (100%)	385 (100%)
a	Học sinh Giỏi hoặc Xuất sắc (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	1003 (86,76%)	237 (61,08%)	381 (99,48%)	385 (100%)
b	Học sinh Tiến tiến hoặc	152	150	2	0



	Giỏi (theo đánh giá mới) (tỷ lệ so với tổng số)	(13,14%)	(38,66%)	(0,52%)	
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đi/đến (tỷ lệ so với tổng số)	3	2	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ Hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	148	1	38	109
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	86	1	14	71
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	62	0	24	38
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	385	0	0	385
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (đã bỏ xếp loại tốt nghiệp)	385	0	0	385
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	385	0	0	385
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	535/621	185/203	182/201	168/217
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	10	1	2	7



Nguyễn Thanh Sơn